



DỰ TOÁN THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 4, DỰ ÁN 5

Nội dung: Tổ chức học tập kinh nghiệm thực tế tại xã Măng Đen và xã Pờ Y cho cán bộ triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (nguồn vốn năm 2025 chuyển sang năm 2026)

(Kèm theo Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2026 của chủ tịch UBND xã Sơn Kỳ)

TT	Nội dung	Thuyết minh cơ sở tính toán	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền (đồng)/lớp	Số lượng (LỚP)	Tổng tiền thực hiện	Nguồn vốn NS		Căn cứ pháp lý dự toán
									TW	Địa phương	
I	Tổ chức học tập kinh nghiệm thực tế ở các xã phía tây cho cán bộ triển khai CT							107.310.000	96.579.000	10.731.000	
	Số lượng người đi /đợt		22								
	Thời gian đi (5 ngày 4 đêm)										
1	Bảo cáo viên hướng dẫn					7.950.000		7.950.000			
-	Tiền công báo cáo viên		ngày	5	1.200.000	6.000.000	1	6.000.000	5.400.000	600.000	Nghị quyết số 12/NQ_HĐND ngày 24/4/2026 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi điểm c, Khoản 1, Điều 5, Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025
-	Khoản tiền ăn cho báo cáo viên	150.000 đồng/ngày /người	ngày	5	150.000	750.000	1	750.000	675.000	75.000	
-	Khoản tiền ngủ cho báo cáo viên	300.000đ/n gười	người	4	300.000	1.200.000	1	1.200.000	1.080.000	120.000	
2	Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại các xã thuộc địa bàn KT khó khăn		đêm	4	300.000	26.400.000	1	26.400.000	23.760.000	2.640.000	Điểm b Khoản 2 Điều 4Nghị quyết số 15/2025//NQ-HĐND ngày 24/10/2025
3	Thanh toán tiền thuê xe từ xã đến các xã phía tây		Ngày	5	8.800.000	44.000.000	1	44.000.000	39.600.000	4.400.000	Điểm b. khoản 2, Điều 1 TT 12/2025/TT-BTC ngày 19.3.2025 của BTC và Điểm a, khoản 2 điều 4, TT số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025
4	Nước giải khát		ngày	5	100.000	11.000.000	1	11.000.000	9.900.000	1.100.000	Khoản 1, Điều 7 Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025

5	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên đi mô hình thực tế (trong tỉnh)		ngày	5	150.000	16.500.000	1	16.500.000	14.850.000	1.650.000	điểm c, Khoản 2, Điều 7 Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025
6	Văn phòng phẩm		bộ	22	30.000	660.000	1	660.000	594.000	66.000	TT số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025
7	Chi khác (thuốc, chi phí liên lạc)		gói	1	800.000	800.000	1	800.000	720.000	80.000	